TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 05/2025/DS - ST
Ngày: 30/6/2025
Về việc:“ Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Nghi
2. Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 03 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/ QĐST – DS ngày 10 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH C; Địa chỉ: Quốc lộ A, xã Y, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Xuân L; sinh năm 1988. Địa chỉ: Công ty TNHH C - Chi nhánh H; Lô A, khu Công nghiệp Đ, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam. (Văn bản ủy quyền số 18.02.2025 QU – CJ ngày 18 tháng 2 năm 2025).

- Bị đơn: Ông Cao Văn L1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt ông L, vắng mặt ông Cao Văn L1, ông L1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Xuân L trình bày: Ngày 21 tháng 2 năm 2019 Công ty TNHH C - Chi nhánh H là đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH C (viết tắt là Công ty C) và ông Cao Văn L1 có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 1067243/2019/HĐ – CJVA. Theo đó Công ty C bán thức ăn chăn nuôi cho ông Cao Văn L1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty C luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng. Tuy nhiên sau khi nhận chuyến hàng ngày 16 tháng 9 năm 2023 thì ông L1 đã ngừng không hợp tác với Công ty C. Ngày 10 tháng 10 năm 2023 ông L1 đã ký xác nhận nợ Công ty C số tiền là **249.993.868 đồng**. Công ty C đã nhiều lần yêu cầu ông L1 thanh toán số tiền trên cho Công ty C nhưng ông L1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 09 tháng 4 năm 2024 ông L1 tiếp tục xác nhận còn nợ tiền hàng Công ty C số tiền **249.993.868 đồng** nhưng vẫn không thanh toán. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền hàng nên Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Văn L1 phải thanh toán cho Công ty CJ các khoản nợ sau:.

Số tiền mua hàng còn nợ gốc là: **249.993.868 đồng**

Phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán mà các bên thỏa thuận theo Điều 6.2 Hợp đồng số 1067243/2019/HĐ – CJVA ngày 21 tháng 2 năm 2019 là 8%/ nghĩa vụ vi phạm: **249.993.868 đồng x 8% = 19.999.509 đồng**

Lãi suất theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 0,83%/ tháng x 20 tháng = **42.882.281 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng).

Tổng số tiền Công ty C yêu cầu Ông Cao Văn L1 phải thanh toán tính đến ngày 30/06/2025 là: **312.875.658 đồng** *(Bằng chữ: Ba trăm mười hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).*

Bị đơn trong vụ án là ông Cao Văn L1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình xác minh tại địa phương hiện ông L1 không có mặt tại địa phương, Tòa án nhân đan huyện K đã không thực hiện được việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông L1 theo thủ tục chung. Về phía Công Công ty C đã không cung cấp được đia chỉ, nơi cư trú, nơi làm việc mới của ông Cao Văn L1. Như vậy thể hiện việc ông L1 cố tình dấu địa chỉ. Căn cứ vào mục điểm a, mục 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối Cao. Theo yêu cầu của Công ty CJ Tòa án nhân dân huyện K thực hiện việc thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng lịch làm việc đối với ông Cao Văn L1 tại Tòa án theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy

nhiên ông L1 không có mặt làm việc tại Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không có quan điểm của mình đối với việc giải quyết vụ án. Cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các điều 385, 357, 430; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bị đơn là ông Cao Văn L1 phải trả cho Công ty C số tiền hàng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là: 249.993.868 đồng.

Phạt vi phạm hợp đồng theo Điều 6.2 Hợp đồng số 1067243/2019/HĐ – CJVA ngày 21 tháng 2 năm 2019 là 8%/ nghĩa vụ vi phạm: 249.993.868 đồng x 8% = 19.999.509 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản lãi suất theo quy định của BLDS tạm tính đến ngày 30/6/2025 là **42.882.281 đồng**

Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty C khởi kiện ông Cao Văn L1 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn là ông Cao Văn L1 có nơi

cư trú tại: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa có mặt người đại diện của Công ty C, vắng mặt bị đơn ông Cao Văn L1, ông L1 vắng mặt lần hai không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung tranh chấp và những vấn đề cần giải quyết trong vụ án:

[2.1]. Đối với khoản tiền nợ do mua bán hàng hóa là **249.993.868 đồng** mà Công ty C khởi kiện và yêu cầu:

Căn cứ đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 1067243/2019/HĐ – CJVA giữa Công ty TNHH C - Chi nhánh H và ông Cao Văn L1 thể hiện Công ty TNHH C - Chi nhánh H là đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH C bán thức ăn chăn nuôi cho ông Cao Văn L1. Ngày 16 tháng 9 năm 2023 thì ông L1 đã ngừng không hợp tác với Công ty C sau khi nhận chuyến hàng. Ngày 10 tháng 10 năm 2023 ông L1 đã ký xác nhận nợ Công ty C số tiền hàng là **249.993.868 đồng.** Ngày 09 tháng 4 năm 2024 ông L1 tiếp tục xác nhận còn nợ Công ty C số tiền **249.993.868 đồng** nhưng vẫn không thanh toán. Cho đến thời điểm hiện tại ông Cao Văn L1 vẫn chưa thanh toán cho Công ty C khoản tiền hàng này. Do vậy ông L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty C. Nay cần buộc ông Cao Văn L1 phải thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty C là phù hợp khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Đối với khoản tiền lãi Phạt vi phạm hợp đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Điều 6.2 Hợp đồng số 1067243/2019/HĐ – CJVA ngày 21 tháng 2 năm 2019 là 8%/ thành tiền là: **249.993.868 đồng x 8% = 19.999.509 đồng** mà Công ty C yêu cầu:

Đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán căn cứ vào Điều 6.2 Hợp đồng số 1067243/2019/HĐ – CJVA ngày 21 tháng 2 năm 2019 giữa Công ty TNHH C - Chi nhánh H và ông Cao Văn L1 thể hiện: " *Trong trường hợp bên B vi phạm thời hạn thanh toán được quy định tại Hợp đồng này hoặc Phụ lục Hợp đồng này thì bên B phải chịu phạt là 2%/ tháng đối với phần thanh toán trễ hạn đó, mức phạt tối đa là 8% giá trị thanh toán trễ hạn*....." Như vậy chế tài phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 2%/ tháng đối với phần thanh toán trễ hạn, mức phạt tối đa là 8% giá trị thanh toán trễ hạn. Chế tài phạt nghĩa vụ thanh toán do hai bên tự thỏa thuận và được ký kết trong hợp đồng, không vi phạm điều cấm,

không trái pháp luật. Nay cần buộc ông Cao Văn L1 phải thanh toán số tiền phạt là **19.999.509 đồng** do vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán tiền hàng cho Công ty C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy tổng hai khoản tiền ông Cao Văn L1 phải thanh toán cho Công ty TNHH C - Chi nhánh H là: **269.993.377 đồng** (*Hai trăm sáu mươi chín triệu chín trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bày đồng*)

[2.3]. Đối với khoản tiền lãi suất theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 0,83%/ tháng x 20 tháng = **42.882.281 đồng** đồng mà Công ty C yêu cầu do trong Hợp đồng số 1067243/2019/HĐ – CJVA ngày 21 tháng 2 năm 2019 các bên không thỏa thuận trong hợp đồng nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của Công ty C được chấp nhận một phần nên Công ty C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với hai khoản tiền được Hội đồng xét xử chấp nhận là:

Khoản tiền hàng ông Cao Văn L1 chưa thanh toán là: **249.993.868 đồng**

Khoản tiền Phạt vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán tiền hàng hai bên thỏa thuận theo Điều 6.2 Hợp đồng số 1067243/2019/HĐ – CJVA ngày 21 tháng 2 năm 2019 là: **19.999.509 đồng.**

Đối với khoản tiền lãi suất theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 0,83%/ tháng x 20 tháng = **42.882.281 đồng** mà Công ty C yêu cầu do không được chấp nhận nên Công ty C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền trên do không được chấp nhận.

Ông cao Văn L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ chưa thanh toán theo quy định của pháp luật để sung ngân sách nhà nước

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 280, 357, 430, 440; 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C - Chi nhánh H.

Buộc ông Cao Văn L1 phải có trách nhiệm thanh toàn cho Công ty TNHH C - Chi nhánh H hai khoản tiền sau:

Khoản tiền mua hàng chưa thanh toán là: **249.993.868 đồng (***Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng***)**

Khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán tiền hàng theo Điều 6.2 Hợp đồng số 1067243/2019/HĐ – CJVA ngày 21 tháng 2 năm 2019 là: **19.999.509 đồng (***Mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn năm trăm linh chín đồng***)**

Tổng hai khoản tiền ông Cao Văn L1 phải thanh toán cho Công ty TNHH C - Chi nhánh H là: **269.993.377 đồng** (*Hai trăm sáu mươi chín triệu chín trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng*)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C - Chi nhánh H đối với số tiền **42.882.281 đồng** (*Bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng*) lãi suất theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 mà Công ty C yêu cầu.

3. Về án phí:

Công ty TNHH C - Chi nhánh H được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Công ty TNHH C - Chi nhánh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền **42.882.281** đồng do không được chấp nhận là 2.144.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002008 ngày 11/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH C - Chi nhánh H số tiền 5.435.800 đồng trong tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Cao Văn L1 phải nộp 13.499.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày Công ty TNHH C - Chi nhánh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Cao Văn L1 không thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/06/2025). Đương sự vắng mặt có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Chi cục THA dân sự huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh